

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2023/DS-ST

Ngày 10-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Tân

2. Ông Trần Hùng Bích

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2023/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP E

Địa chỉ: Tầng 8, văn phòng số C, số T, phường B, quận O, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP E (Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301179079, đăng ký lần đầu ngày 23/7/1992; đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 16/9/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Quỳnh Khuê L - Phó trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP E - Chi nhánh An Giang (Theo giấy ủy quyền số: 432/2022/EIBAG/UQ, ngày 12/10/2022). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1973

Cư trú: Số I, đường D6, phường ML, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn do bà Trương Quỳnh Khuê L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/01/2010, bà Nguyễn Thị Thanh T ký giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng TMCP E (Ngân hàng). Thông tin cụ thể của thẻ tín dụng được cấp: loại thẻ Visa Chuẩn, số tài khoản 150224849000352, hạn mức thẻ 40.000.000 đồng, lãi suất 30.6%/năm, phí trễ hạn: 5%/số tiền tối thiểu chưa thanh toán; mục đích sử dụng là tiêu dùng, hình thức bảo đảm: không tài sản bảo đảm, biểu phí sử dụng thẻ được Ngân hàng quy định theo từng thời điểm, dư nợ thẻ sẽ được sao kê vào ngày 23 hàng tháng.

Đến ngày 12/3/2014, Ngân hàng nhận được đề nghị gia hạn thẻ tín dụng của bà T, theo giấy đề nghị gia hạn thẻ tín dụng ngày 07/3/2014. Nội dung đề nghị: loại thẻ Visa Vàng, số tài khoản 150224849001873, thay đổi hạn mức từ 40.000.000 đồng lên 60.000.000 đồng, lãi suất 30.6%/năm, phí trễ hạn: 5%/số tiền tối thiểu chưa thanh toán, mục đích sử dụng là tiêu dùng, hình thức bảo đảm: không tài sản bảo đảm, biểu phí sử dụng thẻ được Ngân hàng quy định theo từng thời điểm, dư nợ thẻ sẽ được sao kê vào ngày 23 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 07/4/2020 bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà T phải trả nợ nhưng bà T cố tình trốn tránh và không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2022 thì Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2022 là 242.322.665 đồng, trong đó: vốn 43.878.000 đồng, lãi và phí là 198.444.665 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/11/2022 cho đến khi thanh toán xong số nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, tại phiên tòa Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ngân hàng chỉ yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/5/2023 là 103.532.726 đồng, trong đó: vốn 43.878.000 đồng; lãi 59.654.726 đồng, bao gồm lãi trong hạn là 474.604 đồng, lãi quá hạn 59.180.122 đồng và yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ, lý do có sự biến động giảm về số tiền yêu cầu so với đơn

khởi kiện là vì có sự thay đổi về cách tính lãi, thay vì cách tính lãi nhập vốn, rồi tính lãi trên dư nợ cuối cùng, thì nay tính lãi phát sinh theo dư nợ gốc từ khi vi phạm đến khi xét xử theo mức lãi suất của từng thời điểm được điều chỉnh, tức lãi không nhập vốn.

Ngoài ra, bà Lam còn trình bày mặc dù mặc dù theo Thư bảo lãnh phát hành thẻ tín dụng, ngày 14/12/2009 thì Công ty TNHH TM và XD TN (nơi bà T công tác tại thời điểm ký hợp đồng phát hành thẻ) cam kết trường hợp bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán hoặc vi phạm hợp đồng thẻ được ký kết với Ngân hàng thì Công ty TNHH TM và XD TN sẽ thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ, phí lãi phát sinh được yêu cầu cho Ngân hàng, nhưng Ngân hàng TMCP E xác định không yêu cầu trách nhiệm bảo lãnh của Công ty TNHH TM và XD TN, chỉ yêu cầu bà T có trách nhiệm trả nợ, nên đề nghị không đưa Công ty TNHH TM và XD TN vào tham gia tố tụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết trình bày:

Ngày 08/01/2010, bà Nguyễn Thị Thanh T ký giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng TMCP E (Ngân hàng). Thông tin cụ thể của thẻ tín dụng được cấp và nội dung đề nghị gia hạn thẻ tín dụng như nội dung Ngân hàng đã trình bày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 07/4/2020 bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký. Lý do vi phạm nghĩa vụ trả nợ là do ảnh hưởng của dịch Covid-19, việc làm ăn khó khăn nên bà mất khả năng thanh toán.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì bà thống nhất còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 43.878.000 đồng, đối với số tiền lãi 58.385.630 đồng, gồm lãi trong hạn 474.604 đồng (tính từ 24/3/2020 đến 06/4/2020) và lãi quá hạn 57.911.026 đồng (tính từ 07/4/2020 - 17/4/2023) thì bà T thống nhất thời gian, mức lãi suất và số tiền lãi, tuy nhiên bà không đồng ý trả lãi và xin Ngân hàng không tính lãi thêm vì hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, nếu tiếp tục tính lãi thì bà không có khả năng thanh toán dứt điểm số nợ cho Ngân hàng được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP E, buộc bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/5/2023 là 103.532.726 đồng, trong đó: vốn 43.878.000 đồng; lãi 59.654.726 đồng; bà T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 11/5/2023 đến khi thanh toán xong số nợ theo giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP E yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T. Bà T cư trú tại số I, đường D6, phường ML, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết, ngày 16/3/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể thay đổi số tiền yêu cầu theo hướng biến động giảm so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, lý do là vì có sự thay đổi về cách tính lãi, thay vì cách tính lãi nhập vốn, sau đó tiếp tục tính lãi trên dư nợ cuối cùng, thì nay tính lãi phát sinh theo dư nợ gốc từ khi vi phạm đến khi xét xử theo mức lãi suất của từng thời điểm được điều chỉnh, tức lãi không nhập vốn. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và sự thay đổi này là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 08/01/2010, bà Nguyễn Thị Thanh T ký giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng TMCP E với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng; đến ngày 12/3/2014, bà T đề nghị gia hạn thẻ tín dụng lên hạn mức 60.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiêu dùng, với hình thức không tài sản bảo đảm, biểu phí sử dụng thẻ được Ngân hàng quy định theo từng thời điểm (bao gồm lãi vay) theo nội dung thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế khi phát hành thẻ, cụ thể lãi suất được điều chỉnh như sau: lãi trong kỳ 28,2%/năm, từ 28/3/2022 đến nay thay đổi 30,6%/năm và dư nợ thẻ sẽ được sao kê vào ngày 23 hàng tháng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 10/5/2023 là 103.532.726 đồng, trong đó: vốn 43.878.000 đồng; lãi 59.654.726 đồng, bao gồm lãi trong hạn là 474.604 đồng, lãi quá hạn 59.180.122 đồng và yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 11/5/2023 đến khi thanh toán hết nợ. Tại phiên

làm việc ngày 17/4/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất với nội dung mà Ngân hàng trình bày, bà cũng thừa nhận còn nợ tiền của Ngân hàng như nội dung đã nêu trên, tuy nhiên bà không đồng ý trả lãi và xin Ngân hàng không tính lãi thêm vì do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên hiện hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn.

Xét thấy, hợp đồng cấp thẻ tín dụng quốc tế được ký kết giữa bà T với Ngân hàng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình giải quyết, bà T cũng thừa nhận và thống nhất về số dư nợ như Ngân hàng trình bày, nhưng bà không đồng ý trả lãi với lý do hoàn cảnh hiện khó khăn và xin Ngân hàng không tính lãi, tuy nhiên yêu cầu này của bà T không được Ngân hàng chấp nhận. Nhận thấy, do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải trả vốn, lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bà T để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

Đối với, đề nghị của nguyên đơn không đưa Công ty TNHH TM và XD TN vào tham gia tố tụng, thấy rằng mặc dù theo Thư bảo lãnh phát hành thẻ tín dụng, ngày 14/12/2009 thì Công ty TNHH TM và XD TN (nơi bà T công tác tại thời điểm ký hợp đồng phát hành thẻ) cam kết trường hợp bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán hoặc vi phạm hợp đồng thẻ được ký kết với Ngân hàng thì Công ty TNHH TM và XD TN sẽ thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ, phí lãi phát sinh được yêu cầu cho Ngân hàng, nhưng Ngân hàng TMCP E xác định không yêu cầu trách nhiệm bảo lãnh của Công ty TNHH TM và XD TN, chỉ yêu cầu bà T có trách nhiệm trả nợ, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên không cần thiết phải đưa Công ty TNHH TM và XD TN vào tham gia tố tụng.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ngân hàng TMCP E không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357, 463; 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần E đối với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần E số tiền 103.532.726 đồng (Một trăm lẻ ba triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: vốn 43.878.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng); lãi tạm tính đến ngày 10/5/2023 là 59.654.726 đồng (Năm mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), bao gồm lãi trong hạn là 474.604 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng), lãi quá hạn 59.180.122 đồng (Năm mươi chín triệu, một trăm tám mươi nghìn, một trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 11/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 5.176.500 đồng (Năm triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần E được nhận lại số tiền 6.058.000 đồng (Sáu triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001332, ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Chiền

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hà Thị Chiền

